

Điểm chuẩn trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng năm 2018

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng thành lập cuối năm 1997. Từ đó đến nay, trường đã phát triển thành một trường dân lập lớn mạnh ở trong nước cũng như khu vực. Hiện nay, nhà trường đang đào tạo hơn 8.000 sinh viên từ 41 tỉnh thành trong cả nước. Và đã đào tạo, cung cấp cho xã hội gần 15.000 kỹ sư, cử nhân có chất lượng.

Tên trường: Đại học dân lập Hải Phòng

Ký hiệu: DHP

Địa chỉ: Số 36 - Đường Dân Lập - Phường Dư Hàng Kênh - Quận Lê Chân - TP Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3740577, Hotline: 0901.598698 / 0936.821821

Website: www.hpu.edu.vn - Email: daotao@hpu.edu.vn

Điểm chuẩn Đại Học Dân Lập Hải Phòng năm 2018 các ngành:

BẮM XEM tại đây => <https://doctailieu.com/diem-chuan-truong-dai-hoc-dan-lap-hai-phong>

Tham khảo điểm chuẩn của các năm trước:

Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng công bố điểm chuẩn năm 2017 như sau:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1		Các ngành đào tạo đại học		---	
2	7220201	Ngôn ngữ Anh	A00; D01	15.5	Xét học bạ 18 điểm
3	7310630	Việt Nam học	A00; C00; D01	15.5	Xét học bạ 18 điểm
4	7340101	Quản trị kinh doanh	A00; C00; D01	15.5	Xét học bạ 18 điểm
5	7380101	Luật	A01; C00; D01	---	
6	7480201	Công nghệ thông tin	A00; A01	15.5	Xét học bạ 18 điểm
7	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	A00; A01; V01	15.5	Xét học bạ 18 điểm
8	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00; A01; B00; D01	15.5	Xét học bạ 18 điểm
9	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00; A01; B00	15.5	Xét học bạ 18 điểm

10	7620101	Nông nghiệp	A00; A01; B00	15.5	Xét học bạ 18 điểm
----	---------	-------------	---------------	------	--------------------

Điểm chuẩn năm 2016 của trường Đại học Dân Lập Hải Phòng như sau:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn
1	7620101	Nông nghiệp (Kỹ thuật nông nghiệp, Quản lý đất đai)	A00; A01; A02; B00	15
2	7580201	Kỹ thuật công trình xây dựng	A00; A01; A04	15
3	7520320	Kỹ thuật môi trường	A00; A01; A02; B00	15
4	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00; A01; B00; D01	15
5	7480201	Công nghệ thông tin	A00; A01; D07; D08	15
6	7340101	Quản trị kinh doanh	A00; A01; D02; D03; D04; D06	15
7	7220201	Ngôn ngữ Anh	A01; D01; D14; D15	15
8	7220113	Việt Nam học	A00; C00; D01; D02; D03; D04; D06; D14	15

Chỉ tiêu tuyển sinh trường Đại học Dân Lập Hải Phòng năm 2018

STT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Mã ngành	Thi THPT Quốc gia	Kết quả học THPT
1	Công nghệ thông tin <i>Mạng máy tính</i> <i>Công nghệ phần mềm</i> <i>Thương mại điện tử</i>	7480201	A00, A01, D07, D08	A00, A01, TH1*, TH2*
2	Kỹ thuật Điện - Điện tử <i>Điện tự động công nghiệp,</i> <i>Kỹ thuật đo - Tin học công nghiệp,</i> <i>Điện tử - truyền thông</i>	7510301	A00, A01, B00, D01	A00, A01, B00, D1,2,3,4
3	Kỹ thuật xây dựng <i>Xây dựng dân dụng & công nghiệp,</i>	7510102	A00, A01, A04, V00	A00, A01, V00, TH3*

	<i>Xây dựng cầu đường,</i> <i>Kiến trúc</i>			
4	Kỹ thuật Môi trường <i>Kỹ thuật môi trường,</i> <i>Quản lý tài nguyên & môi trường</i>	7520320	A00, A01, A02, B00	A00, A01, B00, TH3*
5	Kỹ thuật nông nghiệp <i>Kỹ thuật nông nghiệp</i> <i>Quản lý đất đai</i>	7620101	A00, A01, A02, B00	A00, A01, B00, TH3*
6	Quản trị kinh doanh <i>Kế toán kiểm toán,</i> <i>Quản trị doanh nghiệp,</i> <i>Tài chính ngân hàng,</i> <i>Marketing</i>	7340101	A00, A01, A04, D1,2,3,4	A00, A01, A04, D01,2,3,4,6, TH3*
7	Ngôn ngữ Anh <i>Ngôn ngữ Anh – Anh</i> <i>Ngôn ngữ Anh – Nhật</i> <i>Tiếng Anh thương mại</i>	7220201	A00, A01, A04, D01,2,3,4,6	A00, A01, D1,2,3,4, TH5, TH6*
8	Việt Nam học <i>Văn hoá du lịch</i> <i>Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành</i>	7310630	A00, C00, D06, D1,2,3,4	A00, C00, D1,2,3,4 TH5*
9	Luật <i>Luật</i> <i>Luật kinh tế</i> <i>Luật dân sự</i>	7380101	A00, D14 , C00, D06	A00, A01, C00, TH5*